TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 29/12/2023.
V/v:"Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ba.
2. Ông Lưu Đức Chung.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 783/2023/TLST–HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 08/12/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 110/2023/QĐST–HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

– Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1984.

Địa chỉ thường trú: Ấp Suối Trầu 3, xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 16, khu 3, ấp 7, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

– Bị đơn: Ông Phạm D, sinh năm 1985.

Địa chỉ thường trú: Ấp Suối Trầu 3, xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 16, khu 3, ấp 7, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T có đơn xin vắng mặt, ông D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản làm việc nguyên đơn bà Hoàng Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm D tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2005, tại UBND xã Suối Trầu, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Bình Sơn). Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông D thường xuyên uống rượu say, thỉnh thoảng

gây rối, la lối, đánh đập bà, tình cảm không còn. Do đó, chị yêu cầu được ly hôn anh D.

Về con chung, có 04 con cháu:

1/ Phạm Hoàng T, sinh ngày 28/02/2006;

2/ Phạm Tuấn A sinh ngày 20/12/2007;

3/ Phạm Tấn T1, sinh ngày 01/07/2010;

4/ Phạm Thị Thùy T2, sinh ngày 27/8/2012.

Theo đơn khởi kiện, bà đề nghị giao 04 con chung T, Tuấn A, T1 và T2 cho anh D nuôi dưỡng; Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, cháu T2 có nguyện vọng sống cùng bà nên bà đề nghị được nuôi dưỡng cháu T2. Giao cháu T, Tuấn A, T1 cho ông D nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai ngày 20/12/2023 bị đơn ông Phạm D trình bày:**

Ông viết chữ chậm nên đề nghi Tòa án lấy lời khai.

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Hoàng Thị T là vợ chồng sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Suối Trầu, huyện Long Thành (nay là xã Bình Sơn). Qúa trình chung sống giữa ông và bà T không xảy ra mâu thuẫn gì trầm trọng, sau khi ông bị tai nạn vợ ông bỏ nhà đi được ba tháng thì trở về nhà sinh sống, ông có khuyên vợ rút đơn để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng bà T không đồng ý. Nay ông xác định còn thương vợ con nên bà T yêu cầu ly hôn ông không đồng ý.

Về con chung, có 04 con cháu:

1/ Phạm Hoàng T, sinh ngày 28/02/2006;

2/ Phạm Tuấn A, sinh ngày 20/12/2007;

3/ Phạm Tấn T1, sinh ngày 01/07/2010;

4/ Phạm Thị Thùy T2, sinh ngày 27/8/2012.

Do ông không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì đối với con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:**

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự. Việc thu thập chứng cứ được thực hiện đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được bảo đảm, các quyết định được tống đạt hợp lệ, phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, xử cho bà T được ly hôn ông D.

Về con chung: Đề nghị giao Phạm Hoàng T, sinh ngày 28/02/2006; Phạm Tuấn A, sinh ngày 20/12/2007; Phạm Tấn T1, sinh ngày 01/07/2010 cho ông D nuôi dưỡng. Đề nghị giao Phạm Thị Thùy T2, sinh ngày 27/8/2012 cho bà T nuôi dưỡng. Tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Do bị đơn ông Phạm D có đăng ký thường trú tại ấp Suối Trầu 3, xã Bình Sơn, huyện Long Thành và hiện đang sinh sống tại khu 3, ấp 7, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà T; Bị đơn ông Phạm D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông D.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà T và ông D chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Suối Trầu, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Bà T trình bày vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông D thường xuyên uống rượu say, chửi và đánh đập bà, vợ chồng không còn quan tâm chia sẻ lẫn nhau, chung sống không hạnh phúc.

Ông D thừa nhận, quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, bà T từng bỏ nhà đi ba tháng.

Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập ông D đến Tòa án làm việc và tham gia phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ chung sống lại với nhau, nhưng ông D vắng mặt, thể hiện không có thiện chí đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, xác minh của Tòa án và các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập được có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng bà T và ông D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[4] Về con chung, có 04 con cháu:

– Phạm Hoàng T, sinh ngày 28/02/2006;

– Phạm Tuấn A, sinh ngày 20/12/2007;

– Phạm Tấn T1, sinh ngày 01/07/2010;

– Phạm Thị Thùy T2, sinh ngày 27/8/2012.

Bà T yêu cầu được giao 03 con chung là T, Tuấn A, T1 cho ông D nuôi dưỡng và qua tham khảo ý kiến của 03 cháu: T, T1, Tuấn A, 03 cháu đều có nguyện vọng được sống chúng với ông D, ông D không có ý kiến hay tranh chấp về việc nuôi con. Đối với cháu T2, cháu có nguyện vọng được sống chúng với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu T2 cho bà T nuôi dưỡng; Giao 03 cháu: T, Tuấn A, T1 cho ông D nuôi dưỡng, phù hợp Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do ông D và bà T không có yêu cầu đối với cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Bà T, ông D không yêu cầu Tòa án giải nên không xét.

[6] Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bà T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

– Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, 28, 35, điểm a khoản 1 Điều 39; 266, 271, 273; Khoản 1 Điều 228; Khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 10, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56 và Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

– Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hoàng Thị T. Xử cho bà Hoàng Thị T được ly hôn với ông Phạm D.

– Về con chung, giao 03 cháu:

+ Phạm Hoàng T, sinh ngày 28/02/2006;

+ Phạm Tuấn A, sinh ngày 20/12/2007;

+ Phạm Tấn T1, sinh ngày 01/07/2010.

Cho ông D nuôi dưỡng.

Giao cháu Phạm Thị Thùy T2, sinh ngày 27/8/2012 cho bà T nuôi dưỡng.

Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Các đương sự có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp theo biên lai thu số 0002364 ngày 20/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, bà T đã nộp xong.

Bà T, ông D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã Bình Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Thùy Trang